

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **65/2021/HS-ST**
Ngày 18-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Lon
Bà Lê Thị Hoa
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương
- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*
Ông Triệu Hoàng Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 82/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71A/2021/QĐXXST-HS ngày 04/11/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân T, sinh năm 1996 tại Khánh Hòa.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã P, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Xuân H (chết) và bà: Ngô Thị Kim N, sinh năm 1975.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1. Ông Trần Văn L, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. Ông Lại Nhân T, sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn Thôn P, xã T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1950

Địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. Ông Lại Văn C, sinh năm: 1958

Địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

3. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm: 1996

Địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 02/9/2021, Nguyễn Xuân T điều khiển xe đạp đi từ xã T đến Chốt kiểm soát dịch bệnh Covid – 19 thuộc thôn P, xã T, thị xã N xin qua chốt để mua đồ thì ông Lại Văn C và bà Nguyễn Thị P là cán bộ trực chốt đồng ý. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T đến chốt để về lại xã P thì ông Trần Văn L và ông Lại Nhân T là tổ viên Tổ tự quản an toàn phòng, chống dịch Covid – 19 của thôn P yêu cầu T xuất trình giấy tờ, T trả lời không có và bỏ đi về lại hướng xã T. Để ngăn chặn việc người dân di chuyển không có giấy tờ theo quy định và thấy T dắt ở vùng hông 01 con dao, có dấu hiệu say xỉn nên ông T điều khiển xe mô tô chở ông L đuổi theo chặn trước đầu xe của T, yêu cầu T đến chốt kiểm soát để làm việc. T liền dừng xe, rút dao đe dọa rồi bỏ đi, lúc T không chú ý quan sát thì ông L từ phía sau lao đến ôm, giữ tay của T để tước dao, T chống cự, cầm dao giằng co thì con dao cắt vào tay trái ông L gây thương tích. Lúc này, ông T lao vào cùng ông L không chế T đưa về Công an xã T để làm việc.

- Tại bản cáo trạng số 75/CT-VKS-HS ngày 29/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã N đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T về tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N đề nghị:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 330; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T từ 12 đến 15 tháng tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L, ông Lại Nhân T, bà Nguyễn Thị P không yêu cầu nên không xét.

+ Về vật chứng vụ án: 01 con dao cán nhựa màu đen dài 11cm, chiều ngang dài 2,7cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 20cm, rộng 05cm không có giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Bị cáo: Không tranh luận.

- Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, người làm chứng Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn L1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy họ đã có lời khai trong hồ sơ và sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. *Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:*

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình

tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, kết luận hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[3]. Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 17 giờ ngày 02/9/2021, tại thôn P, xã T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, Nguyễn Xuân T đã có hành vi không chấp hành yêu cầu xuất trình giấy tờ, dùng vũ lực cản trở ông Trần Văn L và ông Lại Nhân T là tổ viên Tổ tự quản an toàn phòng, chống dịch Covid – 19 của thôn P đang thi hành công vụ.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Xuân T đủ yếu tố cấu thành tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã N truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như trên là có căn cứ.

[4]. Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không những trực tiếp xâm phạm đến việc thực hiện nhiệm vụ của người đang thi hành công vụ mà thông qua đó xâm phạm đến hoạt động của Nhà nước về quản lý hành chính trong lĩnh vực thi hành nhiệm vụ công. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L, ông Lại Nhân T, bà Nguyễn Thị P không yêu cầu nên không xét.

[7]. Về vật chứng vụ án: 01 con dao cán nhựa màu đen dài 11cm, chiều ngang dài 2,7cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 20cm, rộng 05cm không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[8]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 293; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Xuân T 01** (Một) năm tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về vật chứng vụ án:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao cán nhựa màu đen dài 11cm, chiều ngang dài 2,7cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 20cm, rộng 05cm. Tình trạng vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/11/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã N và Chi cục thi hành án dân sự thị xã N.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Xuân T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tx.N;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Chi cục THADS tx.N;
- Cơ quan điều tra tx.N;
- Cơ quan THAHS tx.N;
- Bị cáo và những người TGT;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương